HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 149/2014/NQ-HĐND	*Nghệ An, ngày 12 tháng 12 năm 2014*

NGHỊ QUYẾT
Quy định mức thu và chế độ quản lý phí chợ trên địa bàn tỉnh Nghệ An

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN
KHOÁ XVI, KỲ HỌP THỨ 13

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Uỷ ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Pháp lệnh 38/2001/PL-UBTVQH 10 ngày 28 tháng 8 năm 2001 về phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 3 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí, lệ phí và Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2006 sửa đổi, bổ sung Nghị định số 57/2002/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02 tháng 01 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Xét đề nghị của Uỷ ban nhân dân tỉnh Nghệ An tại Tờ trình số 8910/TTr-UBND ngày 25 tháng 11 năm 2014;

Trên cơ sở Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách và ý kiến của các vị Đại biểu HĐND tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh.

Nghị quyết này quy định về mức thu và chế độ quản lý phí chợ trên địa bàn tỉnh Nghệ An (không áp dụng đối với các loại siêu thị, trung tâm thương mại, trung tâm giao dịch mua bán hàng hóa).

2. Đối tượng áp dụng:

a) Đối tượng chịu phí:

Tất cả các tổ chức, cá nhân kinh doanh tại các chợ trên địa bàn tỉnh (kể cả kinh doanh có ki ốt cố định và kinh doanh ở địa điểm không cố định).

b) Đối tượng được miễn:

Các tổ chức, cá nhân kinh doanh tại các chợ truyền thống ở các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới miền núi cao, vùng sâu, vùng xa.

3. Các tổ chức thu phí chợ:

a) Ban quản lý chợ; HTX quản lý chợ; Tổ hoặc bộ phận quản lý chợ;

b) Doanh nghiệp kinh doanh khai thác và quản lý chợ;

c) Các mô hình quản lý chợ hiện hành khác.

Điều 2. Mức thu tối đa và chế độ quản lý

1. Mức thu tối đa:

a) Đối với các chợ đầu tư từ nguồn ngân sách Nhà nước:

Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu tối đa			
		Chợ hạng 1	Chợ hạng 2	Chợ hạng 3	Chợ chưa xếp hạng
I. Địa điểm kinh doanh cố định					
1. Chợ Vinh	đ/m^2/tháng	300.000			
2. Chợ ga Vinh	đ/m^2/tháng	186.000			
3. Các chợ khác					
3.1. Ki ốt cố định					
Vị trí kinh doanh loại 1	đ/m^2/tháng	90.000	57.000	45.000	27.000
Vị trí kinh doanh loại 2	đ/m^2/tháng	75.000	45.000	30.000	18.000
Vị trí kinh doanh loại 3	đ/m^2/tháng	53.000	38.000	23.000	15.000
Vị trí kinh doanh loại 4	đ/m^2/tháng	45.000	23.000	15.000	9.000
3.2. Trong đình chợ					
Vị trí kinh doanh loại 1	đ/m^2 /tháng	90.000	53.000	38.000	23.000
Vị trí kinh doanh loại 2	đ/m^2 /tháng	83.000	38.000	30.000	18.000
Vị trí kinh doanh loại 3	đ/m^2 /tháng	75.000	30.000	23.000	15.000
Vị trí kinh doanh loại 4	đ/m^2 /tháng	53.000	23.000	12.000	7.000
3.3. Lều bán kiên cố					
Vị trí kinh doanh loại 1	đ/m^2 /tháng	83.000	45.000	30.000	18.000
Vị trí kinh doanh loại 2	đ/m^2 /tháng	68.000	38.000	23.000	15.000
Vị trí kinh doanh loại 3	đ/m^2 /tháng	60.000	30.000	15.000	9.000

Vị trí kinh doanh loại 4	đ/m^2 /tháng	38.000	15.000	11.000	7.000
II. Địa điểm kinh doanh không cố định					
Loại 1: Thực phẩm tươi sống như lòng sống, tôm, cá, mực	đ/lượt vào chợ	12.000	10.000	8.000	5.000
Loại 2: Hàng công cụ sản xuất và các loại thực phẩm khác như rau, gia súc, gia cầm	đ/lượt vào chợ	10.000	8.000	7.000	4.000
Loại 3: Hàng vặt do người sản xuất tự bán	đ/lượt vào chợ	6.000	6.000	6.000	4.000
III. Dịch vụ bảo vệ hàng hóa ban đêm	đ/quày/tháng	90.000	60.000	53.000	32.000

b) Đối với các chợ của tư nhân hoặc doanh nghiệp quản lý từ nguồn vốn không do Nhà nước đầu tư được phép áp dụng mức thu cao hơn nhưng tối đa không quá 2 lần so với mức thu theo quy định trên.

2. Chế độ quản lý:

a) Đối với chợ do ngân sách Nhà nước đầu tư được trích một phần số phí trong năm cho tổ chức thu phí để trang trải chi phí hoạt động và tổ chức thu phí chợ, số còn lại nộp ngân sách nhà nước. Mức trích cho hoạt động và tổ chức thu phí của tổ chức quản lý chợ cụ thể như sau:

- Chợ Vinh, chợ ga Vinh và các chợ hạng 1: Trích để lại 80%, nộp ngân sách 20% số phí thu được;

- Chợ hạng 2, hạng 3 và các chợ chưa xếp hạng: Trích để lại 90%, nộp ngân sách nhà nước 10% số phí thu được.

b) Đối với chợ của tư nhân hoặc doanh nghiệp quản lý từ nguồn vốn không do Nhà nước đầu tư là khoản thu không thuộc ngân sách nhà nước. Số tiền thu được là doanh thu của tổ chức, cá nhân thu phí; tổ chức, cá nhân thu phí có nghĩa vụ nộp thuế theo quy định hiện hành của Nhà nước trên kết quả thu phí.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Giao Uỷ ban nhân dân tỉnh căn cứ mức thu tối đa đã được quy định tại Nghị quyết này và các văn bản pháp luật có liên quan, quy định cụ thể mức thu đối với từng hạng chợ và các vị trí kinh doanh phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội trên địa bàn tỉnh.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An khóa XVI, kỳ họp thứ 13 thông qua ngày 12 tháng 12 năm 2014 và có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày được thông qua. Bãi bỏ Nghị quyết 27/2011/NQ-HĐND ngày

09 tháng 12 năm 2011 của Hội đồng nhân dân tỉnh về đối tượng, khung phí và quản lý phí chợ trên địa bàn tỉnh Nghệ An./.

Nơi nhận:
- VP Quốc hội, VP Chính phủ (để b/c);
- Các Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp (Cục KTVB) (để b/c);
- TT Tỉnh uỷ, HĐND, UBND,UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Đại biểu HĐND tỉnh;
- Tòa án nhân dân tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- HĐND,UBND các huyện, thành, thị;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Website http://dbnhnghean.vn;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Trần Hồng Châu